

Số: 04-01/BG/ĐH-26

BẢNG GIÁ ỐNG LỘC UPVC

Áp dụng từ **07 giờ 00 phút** ngày **01/06/2026** đến khi ban hành bảng giá mới
Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn: TCCS 11-2022/ĐH

STT	Quy cách (Ø x mm)	Loại xám	Áp suất DN (bar)	Chiều dài (mét/cây)	Đơn vị tính	Giá chưa thuế (đồng)	Giá sau thuế (đồng)
01	Ø42 x 2,0	A	10	2	Mét	44,700	48,276
02	Ø42 x 1,7	B	7	2	Mét	40,300	43,524
03	Ø49 x 2,0	A	8	2	Mét	51,100	55,188
04	Ø49 x 1,7	B	7	2	Mét	46,800	50,544
05	Ø49 x 1,1	C	6	2	Mét	40,300	43,524
06	Ø60 x 2,6	A	8	2	Mét	75,500	81,540
07	Ø60 x 2,1	B	7	2	Mét	62,300	67,284
08	Ø90 x 3,2	A	6	2	Mét	177,600	191,808
09	Ø90 x 3,0	B	6	2	Mét	166,400	179,712
10	Ø90 x 2,8	C	6	2	Mét	155,500	167,940
11	Ø140 x 4,5	B	6	2	Mét	274,000	295,920

STT	Quy cách (Ø x mm)	Loại trắng	Áp suất DN (bar)	Chiều dài (mét/cây)	Đơn vị tính	Giá chưa thuế (đồng)	Giá sau thuế (đồng)
01	Ø49	1 kg	6	2	Mét	40,100	43,308
02	Ø49	0,8 kg	5	1.8	Mét	33,400	36,072
03	Ø60	1,4 kg	6	2	Mét	54,700	59,076

Ghi Chú:

- Thuế VAT: 8%

Ngày 01 tháng 06 năm 2026

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA



Nguyễn Thị Kim Hằng